

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **187/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/04/2020 và ngày
04/5/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thủy

2. Ông Đỗ Quang Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân: Bà Nguyễn

Mai Hương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 04 năm 2020 và ngày 04 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 674/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX- HNĐG ngày 02 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh A, sinh năm 1984; Trú tại: số 25/87 đường A, xã B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. *Bị đơn*: **Chị Đào Tuyết T**, sinh năm 1977; Trú tại: Số nhà 92, ngách 16, ngõ 97, phố D, phường H, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23 tháng 8 năm 2020, anh Lê Thanh A có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh Lê Thanh A xin ly hôn với chị Đào Tuyết T

Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013. Nay ly hôn anh A đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện đóng góp nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1) 01 Trích lục kết hôn (bản sao);
- 2) 01 CMTND của chồng; 01 sổ hộ chiếu của vợ (bản sao);
- 3) 02 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);
- 4) 01 quyết định về việc công nhận cha nhận con (bản sao)
- 5) 01 Giấy khai sinh con (bản sao)
- 6) 01 đơn xác nhận về nơi cư trú
- 7) 01 giấy cam đoan

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – Anh Lê Thanh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Tuyết T có đăng kết hôn tự nguyện tháng 10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau đó vợ chồng không chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do tính cách không hoà hợp, không cùng quan điểm sống,

thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau cũng như xúc phạm gia đình hai bên. Nay tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nên anh xin ly hôn với chị Đào Tuyết T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013. Nay ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng vì từ năm 2018 đến nay cháu Lê Thanh P vẫn ở cùng chị T. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng. Hiện anh làm giảng viên của Khoa kinh tế phát triển trường Đại học Huế, lương của anh thấp được 6.075.601đồng, tuy nhiên thực tế tổng thu nhập của anh là 7.100.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - chị Đào Tuyết T thừa nhận chị và anh A có đăng kết hôn tự nguyện năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, anh A là người sống vô đạo đức, không có trách nhiệm nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Thanh P, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013. Nay ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng. Ngoài ra, chị yêu cầu anh A phải thanh toán số tiền 249.000.000 đồng là những chi phí cho cháu P cụ thể: Từ khi cháu P sinh ra, tất cả tiền sữa và các chi phí cuộc sống đều do mẹ và bên ngoại chi trả, từ khi cháu được 07 tháng tuổi đến gần 02 tuổi thì bên nội nhà anh A nuôi nhưng tổng số tiền hàng tháng gia đình chị đưa anh A phải thanh toán số tiền này một lần, tổng cộng là 144.000.000 đồng.

Từ tháng 5/2018 cho đến nay cháu An do chị nuôi dưỡng, anh A không đưa cho chị một đồng nào để nuôi con nên yêu cầu anh A phải có

trách nhiệm thanh toán cho đến khi kết thúc phiên toà với mức chi phí là 5.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có ý kiến gì.

Tại phiên toà hôm nay,

Nguyên đơn cho rằng: Tháng 5/2018 anh vẫn ở bên Ba Lan làm nghiên cứu sinh và không có học bổng. Ngày 27/5/2019 anh mới bảo vệ xong luận án tiến sĩ, tháng 7/2019 anh mới về nước và tháng 9/2019 mới được tiếp nhận về Trường đại học kinh tế - đại học Huế đến nay. Khi về nước anh có đi gặp cháu P nhưng chị T không cho anh gặp. Do vậy, anh không biết chuyển tiền đóng góp nuôi cháu P như thế nào và nay anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T thừa nhận tháng 5/2018 thì anh A vẫn ở Ba Lan làm nghiên cứu sinh, khi nào về nước thì chị không rõ, chỉ khi chị gửi đơn tới nơi anh A giảng dạy thì được biết anh A được tiếp nhận về trường từ ngày 09/9/2019. Tuy nhiên từ khi anh A về nước đến nay, anh A không có trách nhiệm gì đối với cháu P, do vậy chị yêu cầu anh A phải thanh toán cho chị số tiền khi chị nuôi cháu P từ tháng 5/2018 cho đến khi xét xử. Vì khi đi học anh A được học bổng và đi làm thêm ở tại Ba Lan tuy nhiên chị không có chứng cứ về vấn đề này nộp cho Toà, và đề nghị anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đồng/tháng bởi ngoài chi phí ăn uống và sinh hoạt hàng ngày của cháu P thì hàng tháng cháu P phải đi vào viện mắt trung ương để khám và điều trị do cháu bị cận thị thoái hoá mỗi tháng hết khoảng 1.000.000đồng .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của

pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn giữa anh A và chị T thật sự trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh A; Về con chung: anh chị có 01 con chung, xét thấy cháu Lê Thanh P sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013, cả chị T và anh A đều thống nhất để chị T nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện của anh chị nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mức cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào thu nhập và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, mức sinh hoạt trung bình chung của xã hội. Theo bảng lương (tháng 2/2020) do anh A cung cấp thì mức lương thực lĩnh của anh A là 6.120.009 đồng nên việc anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng có cơ sở, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Về khoản tiền 249.000.000 đồng chị T yêu cầu anh A thanh toán. Xét thấy, từ khi cháu P được sinh ra, do điều kiện học tập, công việc, quan hệ hôn nhân của anh chị có những mâu thuẫn nên đã có những khoảng thời gian cháu P sống cùng bố và gia đình bên nội hoặc sống cùng mẹ và gia đình bên ngoại. Việc chăm sóc con chung vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ đối với con cái, vừa là sự tự nguyện của bố hoặc mẹ khi họ có đầy đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng, không thể đòi hỏi chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc con khoảng thời gian đó nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T.

Ngày 29/4/2020, chị T có đơn xin rút yêu cầu anh A trả lại một số tài sản: máy ảnh Canon, bộ dao đa dụng.... và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Đây là sự tự nguyện của chị T, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Về tài sản và công nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. [Về tố tụng]:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt là tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh A và chị T trên cơ sở có tình cảm, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa cả hai thừa nhận vợ chồng luôn căng thẳng, giữa anh và chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn chủ yếu là do cả hai. Tình trạng hôn nhân giữa anh A và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh A được ly hôn chị Đào Tuyết T.

[3]. Về con chung:

Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013. Hai bên thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đây là sự thoả thuận của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh A cho rằng lương của anh thấp, hiện anh là giảng viên khoa kinh tế trường đại học Huế, tổng thu nhập là 7.100.000 đồng nên chỉ đồng ý mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng cho con chung.

Chị T không đồng ý và yêu cầu anh A đóng góp mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng vì cháu P sinh sống và học tập tại Hà Nội, giá cả đắt đỏ, ngoài học ở trường cháu học thêm các môn năng khiếu, hơn nữa cháu bị cận thị thoái hoá hàng tháng phải chi phí cho cháu tiền đi khám và điều trị là 1.000.000 đồng nên không đồng ý với mức đóng góp trên.

Căn cứ theo quy định của luật hôn nhân gia đình về việc cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên, mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh A cung cấp bảng lương của mình, anh A cho rằng ngoài lương ra anh không có khoản thu nhập nào khác. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh A chỉ cung cấp bảng lương nhưng căn cứ vào tình hình thực tế và bệnh tật của cháu P và anh A cũng thừa nhận hiện nay lương của anh khoảng hơn 7.100.000 đồng/tháng vì vậy buộc anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Lê Thanh P đủ 18 tuổi hoặc hai bên có thay đổi khác.

Đối với số tiền 144.000.000 đồng chị T yêu cầu anh A thanh toán vì chị đã bỏ ra đưa cho gia đình anh A nuôi cháu P lúc còn nhỏ. Việc chị T cho rằng khi cháu P được 07 tháng tuổi đến khi cháu P gần được 02 tuổi thì gia đình nhà anh A nuôi dưỡng và hàng tháng chị đã chuyển 08 triệu đồng để

gia đình anh A nuôi cháu P nhưng vì gia đình nuôi dưỡng cháu không chu đáo nên cháu bị suy dinh dưỡng và có dấu hiệu của trẻ bị tự kỷ, tổng số tháng là 18 tháng x 8.000.000đồng = 144.000.000 đồng . Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dưỡng và chăm sóc con là nghĩa vụ của bố mẹ đối với con chung, trong thời gian này cả hai anh chị đều sinh sống và học tập tại nước ngoài và gửi tiền về cho gia đình anh A nuôi cháu P, do vậy có thể thấy cả anh A và chị T đều có nghĩa vụ chăm sóc cháu P trong thời điểm này nên số tiền 144.000đồng chị T yêu cầu anh A trả không có căn cứ chấp nhận.

Giai đoạn từ tháng 05/2018 cho đến khi xét xử: anh A thừa nhận anh không cấp dưỡng nuôi con, phiên Toà cả hai thừa nhận tháng 5/2018 anh A vẫn sinh sống và học tập tại Ba Lan, chị T cũng không rõ thời gian nào thì anh A về nước chỉ biết là ngày 09/9/2019 thì anh A đã công tác tại khoa. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ từ thời điểm 09/9/2019 để tính anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu P.

Chị T có cung cấp về việc cháu P là bệnh nhân định kỳ của viện mắt trung ương Hà Nội, ngoài ra chi phí cho cháu P như học chính khoá, sinh hoạt hàng ngày là cần thiết là có căn cứ để chấp nhận, còn đối với các yêu cầu khác như chi phí về việc học tiếng anh, học đàn guitar, du lịch... phải dựa vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên toà anh A thừa nhận hiện nay thu nhập của anh khoảng hơn 7.100.000đồng, chị T yêu cầu mức đóng góp là 5.000.000 đồng là quá cao không phù hợp với khả năng thực tế của anh A hơn nữa việc nuôi con cũng như cấp dưỡng là của cả hai vợ chồng nên buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 107 , Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi dưỡng trốn tránh nghĩa vụ thì theo yêu cầu của cá nhân Toà án buộc người đó phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do vậy chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh A phải

thanh toán cho chị T số tiền cấp dưỡng nuôi con cụ thể chỉ tính từ khi anh A về nước và công tác tại khoa Kinh tế và phát triển từ ngày 09/9/2019 cho đến tháng 4/2020: 7 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng (*hai mươi mốt triệu đồng*).

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 khoản 4, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Khoản 2 Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 14/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử :

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Thanh A, anh Lê Thanh A được ly hôn chị Đào Tuyết T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thanh P, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2013 cho chị Đào Tuyết T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu của Bị đơn, buộc anh Lê Thanh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con là **3.000.000 đồng/tháng** (*ba triệu đồng một tháng*) kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Lê Thanh P đủ 18 tuổi hoặc hai bên có sự thay đổi khác.

Buộc anh Lê Thanh A phải trả chị Đào Tuyết T số tiền **21.000.000 đồng** (*hai mươi một triệu đồng*) tiền cấp dưỡng nuôi con. Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất cơ bản theo quy định của pháp luật về số tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lê Thanh A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng anh Lê Thanh A đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0006609 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là **1.350.000 đồng** (*một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân